TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/KDTM-ST
Ngày: 06-3-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Ông Trần Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường A - Toà án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2025/TLST-KDTM ngày 19 tháng 03 năm 2025, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2025/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2026/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2026/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP An Bình

Địa chỉ trụ sở: Tầng A, 2, 3 Tòa nhà G, C H, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy T - Chức vụ: Trưởng Ban Xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 24/UQ-HĐQT.24 ngày 01/10/2024).

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hoàng Công S - chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ *(theo văn bản ủy quyền số 02/UQ-TGĐ.25 ngày 06/01/2025)*

Địa chỉ liên hệ: Số A P, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH MTV S1.

Địa chỉ: Lô F, F4 KCN D, ấp P, xã D, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Anh T1 - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

(Anh Hoàng Công S có mặt; ông Dương Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2024, các lời khai bổ sung, nguyên đơn - Ngân hàng TMCP An Bình (do anh Hoàng Công Sơn đại diện) trình bày:

Ngân hàng TMCP An Bình (sau đây viết tắt là Ngân hàng An Bình) cấp tín dụng cho Công ty TNHH MTV Sản xuất thức ăn chăn nuôi Bình Minh (sau đây viết tắt là Công ty Bình Minh) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 0926/22/TD/SME/008, Phụ lục 01-0926/22/TD/SME/008 và Phụ lục 02-0926/22/TD/SME/008 cùng ngày 10/10/2022, cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay từng lần (Dành cho KHCN) số 5776/22/TD/CN/130 ngày 16/6/2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay từng lần số SĐBS.01-5776/22/TD/CN/130 ngày 30/6/2022:

Hạn mức cho vay: 55.400.000.000đ (Năm mươi lăm tỷ bốn trăm triệu đồng);

Hạn mức Top up: 9.000.000.000đ (Chín tỷ đồng) hoặc ngoại tệ tương đương;

Hạn mức bảo lãnh phát hành L/C: 55.400.000.000đ (Năm mươi lăm tỷ bốn trăm triệu đồng) hoặc ngoại tệ tương đương.

Tổng hạn mức cho vay và hạn mức bảo lãnh phát hành L/C tại mọi thời điểm không vượt quá 55.400.000.000đ (Năm mươi lăm tỷ bốn trăm triệu đồng) hoặc ngoại tệ tương đương.

Hạn mức L/C không tài sản bảo đảm: 27.600.000.000đ (Hai mươi bảy tỷ sáu trăm triệu đồng) hoặc ngoại tệ tương đương.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mua bán sắt thép, vật liệu, thiết bị trong xây dựng.

Mục đích vay Top up: Phát hành L/C hoặc cho vay để thanh toán nhập khẩu và thanh toán L/C nội địa, phục vụ hoạt động kinh doanh.

Mục đích bảo lãnh phát hành L/C: Phát hành L/C phục vụ hoạt động kinh doanh.

Mục đích L/C không tài sản bảo đảm: Phát hành L/C nhập khẩu phục vụ hoạt động kinh doanh.

Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng tổng là 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày 10/10/2022 đến ngày 10/10/2023.

Lãi suất, mức phí và thời điểm nộp phí được quy định cụ thể trong từng Phụ lục hợp đồng kèm theo Hợp đồng cấp hạn mức này.

Ngân hàng An Bình đã giải ngân và Công ty Bình Minh đã rút vốn tại

Ngân hàng theo:

1. Giấy nhận nợ số 0926/22/TD/SME/008 ngày 13/10/2022 với số tiền rút vốn là 17.151.320.000 đồng; ngày rút vốn: 13/10/2022; ngày đến hạn: 10/4/2023; lãi suất cho vay 11%/năm; tần suất điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân; nguyên tắc điều chỉnh lãi suất: Theo mức lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng VNĐ lĩnh cuối kỳ của Ngân hàng dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,0%/năm.

2. Bộ hồ sơ chứng từ L/C số LCN017722S008 ngày 02/12/2022 với số tiền là 6.185.000.000 đồng.

3. Bộ hồ sơ chứng từ L/C số LCN016822S0008 ngày 14/10/2022 với số tiền là 20.380.600.000 đồng.

Tổng số tiền rút vốn/bảo lãnh là: 43.716.920.000đ (Bốn mươi ba tỷ bảy trăm mươi sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngày 26/6/2025, Công ty Bình Minh đã thanh toán cho Ngân hàng An Bình tổng số tiền là 38.000.000.000đ (Ba mươi tám tỷ đồng), cụ thể như sau:

LD	**Giải ngân**	**Đã thu nợ lãi**	**Đã thu nợ gốc**
LD2306110207	6.185.000.000	0	6.185.000.000
LD2228611030	17.151.320.000	0	17.151.320.000
LD2301259135	20.380.600.000	0	14.663.680.000
	43.716.920.000	**0**	**38.000.000.000**

Và Ngân hàng An Bình đã giải chấp tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 669926 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/12/2021 đứng tên ông Dương Anh Tuấn và bà Huỳnh Thị Diễm Thúy. Do đó, ngày 29/7/2025 Ngân hàng đã có đơn yêu cầu về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản bảo đảm trên theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên.

Tính đến ngày 06/3/2026, Công ty Bình Minh còn nợ Ngân hàng An Bình tổng số tiền là 26.323.494.812đ (Hai mươi sáu tỷ ba trăm hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm mười hai đồng), cụ thể như sau:

LD	**Dư nợ gốc**	**Dư nợ lãi**	**Lãi trong hạn**	**Lãi quá hạn**	**Tổng gốc lãi**
NG	**5.716.920.000**	**20.606.574.812**	**741.165.427**	**19.865.409.385**	**26.323.494.812**
LD2306110207	-	2.712.639.329	-	2.712.639.329	**2.712.639.329**
LD2228611030	-	7.689.282.634	741.165.427	6.948.117.207	**7.689.282.634**

LD2301259135	5.716.920.000	10.204.652.849	-	10.204.652.849	**15.921.572.849**

Đối với số nợ nêu trên, Ngân hàng An Bình đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, thông báo nhắc nợ, thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn ... Tuy nhiên, khách hàng đã không thực hiện việc thanh toán đầy đủ nợ, vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay đã ký kết.

Nay Ngân hàng An Bình yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty Bình Minh phải thanh toán cho Ngân hàng An Bình tổng số tiền tính đến ngày 06/3/2026 là 26.323.494.812đ (Hai mươi sáu tỷ ba trăm hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm mười hai đồng), trong đó:

Tổng nợ gốc: 5.716.920.000 đồng;

Tổng nợ lãi: 20.606.574.812 đồng, trong đó:

+ Nợ lãi trong hạn là: 741.165.427 đồng

+ Nợ lãi quá hạn là: 19.865.409.385 đồng.

2. Buộc Công ty Bình Minh phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 07/3/2026 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 0926/22/TD/SME/008, Phụ lục 01-0926/22/TD/SME/008, Phụ lục 02-0926/22/TD/SME/008 cùng ngày 10/10/2022, Giấy nhận nợ số 0926/22/TD/SME/008 ngày 13/10/2022, Bộ hồ sơ chứng từ L/C số LCN016822S0008 ngày 14/10/2022, Bộ hồ sơ chứng từ L/C số LCN017722S008 ngày 02/12/2022 đã ký kết với Ngân hàng An Bình cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn - Công ty TNHH MTV Sản xuất thức ăn chăn nuôi Bình Minh (do ông Dương Anh Tuấn đại diện) vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn không đến tham dự (vắng mặt không rõ lý do) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

- *Về đường lối giải quyết vụ án*: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A1 về việc yêu cầu Công ty S1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/3/2026 là 26.323.494.812 đồng; trong đó, số tiền nợ gốc là 5.761.920.000 đồng và số tiền nợ lãi là 20.606.574.812 đồng.

Ngân hàng A1 là pháp nhân được quyền ký kết các hợp đồng tín dụng theo giấy phép đăng ký kinh doanh. Bị đơn giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng được lập bằng văn bản và có chữ ký của các bên. Căn cứ theo

quy định tại các Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng A1 và Công ty S1 là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung đã thỏa thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ là có cơ sở.

Buộc Công ty S1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A1 số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/3/2026 là 26.323.494.812 đồng; trong đó, số tiền nợ gốc là 5.761.920.000 đồng và số tiền nợ lãi là 20.606.574.812 đồng.

Trong quá trình ký hợp đồng tín dụng, ông Dương Anh T1 và bà Huỳnh Thị Diễm T2 đã thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 977, tờ bản đồ số 39, diện tích 462m^2 tại phường C, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (cũ), tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp III. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ngày 26/6/2025 Công ty S1 đã thanh toán khoản nợ gốc là 38.000.000.000đ (Ba mươi tám tỷ đồng) cho Ngân hàng A1 và Ngân hàng đã tiến hành giải chấp đối với tài sản bảo đảm nêu trên. Vì vậy cần đình chỉ đối với yêu cầu xem xét "Hợp đồng thế chấp bất động sản" số 0926/22/TC/SME/008 ngày 10/10/2022 giữa Ngân hàng TMCP A1 - Chi nhánh Đ và ông Dương Anh T1, bà Huỳnh Thị Diễm T2.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn - Ngân hàng A1 khởi kiện yêu cầu bị đơn - Công ty S1 thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, các Phụ lục hợp đồng, … được ký kết giữa các bên. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết*:

Tại Hợp đồng cấp hạn mức số 0926/22/TD/SME/008 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 0926/22/TC/SME/008 cùng ngày 10/10/2022, các bên lựa chọn thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thứ tự: Tòa án nơi Ngân hàng có trụ sở, tiếp theo là Tòa án nơi có địa chỉ thường trú/tài sản của bên bảo đảm và sau cùng là Tòa án nơi có địa chỉ thường trú/trụ sở/tài sản của bên được cấp tín dụng.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ngày 26/6/2025 Công ty S1 đã thanh toán khoản nợ gốc là 38.000.000.000đ (Ba mươi tám tỷ đồng) cho Ngân hàng A1 và Ngân hàng đã tiến hành giải chấp đối với tài sản bảo đảm tại quyền sử dụng đất

thuộc thửa đất số 977, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại phường C, Thành phố T (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh, bị đơn có địa chỉ hoạt động tại khu phố P, thị trấn D, huyện T (nay là ấp P, xã D), tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Ngân hàng A1 khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai) là phù hợp.

[1.3] *Về tư cách tham gia tố tụng*:

- Ngân hàng A1 là nguyên đơn, Công ty S1 (người đại diện theo pháp luật là ông Dương Anh T1 - chức vụ: Tổng giám đốc) là bị đơn trong vụ kiện.

- Nguyên đơn ủy quyền cho anh Hoàng Công S đại diện, việc ủy quyền được xác lập bằng văn bản (BL 48) nên anh S tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

- Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn xác định ông Dương Anh T1 và bà Huỳnh Thị Diễm T2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng đã tiến hành giải chấp rút yêu cầu phát mãi đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 977, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại phường C, Thành phố T (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 669926 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho ông Dương Anh T1 và bà Huỳnh Thị Diễm T2 đồng thời đề nghị Tòa án không đưa ông T1 và bà T2 tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

- Ngoài khoản vay tín dụng, Công ty S1 đã có yêu cầu mở thư tín dụng không hủy ngang (02 lần) yêu cầu Ngân hàng A1 thanh toán các chứng từ xuất khẩu cho Công ty TNHH T3 (sau đây viết tắt là Công ty T3) với tổng số tiền là 26.565.600.000đ (Hai mươi sáu tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) và Công ty S1 đã có văn bản về việc chấp nhận tình trạng bộ chứng từ của Ngân hàng A1 nên Ngân hàng A1 đã tiến hành giải ngân số tiền trên cho Công ty T3 theo đề nghị của Công ty S1. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A2 đã thanh toán cho Ngân hàng A1 tổng số tiền nợ gốc là 38.000.000.000đ (Ba mươi tám tỷ đồng) bao gồm việc thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng (số tiền là 17.151.320.000 đồng) và nợ theo 02 thư tín dụng trên (số tiền là 20.848.680.000 đồng). Do đó, việc nguyên đơn xác định khoản nợ thư tín dụng còn lại trên không liên quan đến Công ty T3 nên đề nghị Tòa án không đưa Công ty T3 vào tham gia tố tụng trong vụ án là có cơ sở.

[1.4] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự*:

Theo kết quả xác minh ngày 07/8/2025 và cung cấp thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Đồng Nai, bị đơn - Công ty S1 có địa chỉ trụ sở chính tại Lô F, F Khu công nghiệp D, thị trấn D, huyện T (nay xã D), tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, hiện Công ty S1 không còn hoạt động tại địa chỉ trên và nguyên đơn không xác định được địa chỉ hiện tại của bị đơn (BL 159, 165). Tòa án đã ban hành Thông báo yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ trụ sở hiện đang hoạt động của bị

đơn (BL 166). Quá trình tố tụng, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ hoạt động của Công ty S1 tại số B, khu phố C, đường P, phường T, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai nhưng theo kết quả xác minh thì Công ty S1 cũng không hoạt động tại địa chỉ trên (BL 259, 260). Mặc dù đã được Toà án giải thích về thủ tục tống đạt trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng nguyên đơn không đề nghị Tòa án tiến hành thủ tục này.

Căn cứ theo Hợp đồng cấp hạn mức số 0926/22/TD/SME/008; Phụ lục hợp đồng số PL.01-0926/22/TD/SME/008; Phụ lục hợp đồng số PL.02-0926/22/TS/SME/008 và Giấy nhận nợ số 0926/22/TD/SME/008 cùng ngày 10/10/2022, Thông báo thư tín dụng/ Sửa đổi thư tín dụng (L/C) ngày 02/12/2022 và 14/10/2022 giữa Ngân hàng A1 và Công ty S1 thể hiện Công ty có địa chỉ tại Lô F, F Khu công nghiệp D, thị trấn D, huyện T (nay xã D), tỉnh Đồng Nai. Như vậy, nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ do bị đơn cung cấp và địa chỉ này trùng khớp với kết quả xác minh tại Công an xã D, tỉnh Đồng Nai và Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định trường hợp này nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn và bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.5] *Về thời hiệu khởi kiện*: Hợp đồng cấp hạn mức số 0926/22/TD/SME/008; Phụ lục hợp đồng số PL.01-0926/22/TD/SME/008; Phụ lục hợp đồng số PL.02-0926/22/TS/SME/008 và Giấy nhận nợ số 0926/22/TD/SME/008 cùng ngày 10/10/2022 được ký kết giữa các bên thời hạn vay từ ngày 13/10/2022 đến ngày 10/4/2023; Ngày phát hành đối với Bộ hồ sơ chứng từ L/C số LCN016822S0008 ngày 14/10/2022 là ngày 12/01/2023 đồng thời là ngày chuyển nợ quá hạn, ngày phát hành đối với Bộ hồ sơ chứng từ L/C số LCN017722S008 ngày 02/12/2022 là ngày 02/3/2023 đồng thời là ngày chuyển nợ quá hạn. Do công ty S1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/01/2025 Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[**2] Về đánh giá chứng cứ:** Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện gồm: Hợp đồng cấp hạn mức số 0926/22/TD/SME/008; Phụ lục hợp đồng số PL.01-0926/22/TD/SME/008; Phụ lục hợp đồng số PL.02-0926/22/TS/SME/008 và Giấy nhận nợ số 0926/22/TD/SME/008 cùng ngày 10/10/2022; Bộ chứng từ theo Thông báo thư tín dụng/ Sửa đổi thư tín dụng (L/C) số LCN017722S0008 ngày 02/12/2022 và số LCN016822S0008 14/10/2022 … Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng khác cho bị đơn đến làm việc và cung cấp các chứng cứ, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên, nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt, không thực hiện đúng

nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đồng thời tự từ bỏ quyền của đương sự về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

Như vậy, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] *Xét yêu cầu thanh toán nợ (gốc và lãi) của nguyên đơn*:

Ngày 10/10/2022, Ngân hàng A1 đã ký Hợp đồng cấp hạn mức số 0926/22/TD/SME/008; Phụ lục hợp đồng số PL.01-0926/22/TD/SME/008; Phụ lục hợp đồng số PL.02-0926/22/TS/SME/008 và Giấy nhận nợ số 0926/22/TD/SME/008 cùng ngày 10/10/2022 cho Công ty S1 vay số tiền là 17.151.320.000đ (Mười bảy tỷ một trăm năm mươi mốt triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) với lãi suất 11%/năm, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân. Ngày 13/10/2022, Ngân hàng A1 đã giải ngân số tiền này cho Công ty S1 thông qua ủy nhiệm chi.

Ngày 02/12/2022, Công ty S1 có giấy yêu cầu Ngân hàng A1 thanh toán chứng từ xuất khẩu theo hình thức L để vay số tiền 6.185.000.000đ (Sáu tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng), cùng ngày Công ty S1 đã có công văn số 02 về việc chấp nhận tình trạng bộ chứng từ (BL 212, 213, 214). Sau khi nhận được yêu cầu của phía Công ty S1, Ngân hàng A1 đã ra thông báo thư tín dụng/sửa đổi thư tín dụng số LCN017722S0008 ngày 02/12/2022 (BL 29, 30). Ngày 02/3/2023, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân đủ số tiền 6.185.000.000đ (Sáu tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng) cho Công ty S1 với lãi suất là 12.6%/năm.

Tương tự, ngày 13/10/2022 Công ty S1 tiếp tục có yêu cầu mở thư tín dụng không hủy ngang yêu cầu Ngân hàng A1 thanh toán các chứng cứ xuất khẩu cho Công ty T3 giá trị thanh toán tối đa là 20.380.600.000đ (Hai mươi tỷ ba trăm tám mươi triệu sáu trăm nghìn đồng). Cùng ngày, Công ty S1 đã có công văn số 01 về việc chấp nhận tình trạng bộ chứng từ (BL 228, 229, 230, 231) và Ngân hàng A1 đã ra thông báo thư tín dụng số LCN016822S0008 ngày 14/10/2022. Ngày 12/01/2023, Ngân hàng A1 đã tiến hành giải ngân đủ số tiền 20.380.600.000đ (Hai mươi tỷ ba trăm tám mươi triệu sáu trăm nghìn đồng) thông qua các hợp đồng thương mại giữa Công ty S1 và Công ty T3 với lãi suất là 12,6%/năm.

Các bên khi tham gia giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản, có chữ ký của các bên và thỏa thuận về nội dung của hợp đồng ghi rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, thời hạn thanh toán. Như vậy, điều kiện về nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, các bên tự nguyện tham gia ký kết, không bị ai ép buộc. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, vì vậy các bên tham gia giao kết hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 26/6/2025 Công ty S1 đã thanh toán được cho Ngân hàng A1 tổng số tiền nợ gốc là 38.000.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Khoản vay theo Giấy nhận nợ số 0926/22/TD/SME/008 ngày 10/10/2022 đã thanh toán được tổng số nợ tiền gốc là 17.151.320.000 đồng.

+ Khoản vay theo Thông báo thư tín dụng/Sửa đổi thư tín dụng (L/C) số LCN017722S0008 ngày 02/12/2022 đã thanh toán được tổng số tiền nợ gốc là 6.185.000.000 đồng.

+ Khoản vay Thông báo thư tín dụng/Sửa đổi thư tín dụng (L/C) số LCN016822S0008 ngày 14/10/2022 đã thanh toán được một phần nợ gốc số tiền là 14.663.680.000 đồng.

Kể ngày 27/6/2025, Công ty S1 không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào khác cho Ngân hàng A1 nên đã vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi theo kỳ hạn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án (như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ; Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, …) cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác đến Tòa án làm việc cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nộp cho Tòa án nên không có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, quá trình Ngân hàng A1 khởi kiện đến Tòa án, Công ty S1 đã thanh toán cho Ngân hàng được phần lớn tiền nợ gốc (38.000.000.000 đồng/43.716.920.000 đồng) chứng tỏ bị đơn đã thừa nhận nợ. Lời khai của nguyên đơn về quá trình thỏa thuận và thực hiện hợp đồng tín dụng, theo quy định Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ (bao gồm nợ gốc và lãi) tạm tính đến ngày 06/3/2026 là 26.323.494.812đ (Hai mươi sáu tỷ ba trăm hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn tám trăm mười hai đồng) và tiếp tục trả khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.2] *Xét về Hợp đồng thế chấp*: Tài sản bảo đảm cho khoản nợ vay của Công ty S1 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 462m^2 thuộc thửa số 977, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại phường C, Thành phố T (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 669926 do sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho ông Dương Anh T1 và bà Huỳnh Thị Diễm T2 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 0926/22/TC/SME/008 ngày 10/10/2022 giữa Ngân hàng TMCP A1 - Chi nhánh Đ và ông Dương Anh T1, bà Huỳnh Thị Diễm T2 được đăng ký bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T vào ngày 21/10/2022 (BL 13-25).

Tuy nhiên, ngày 26/6/2025 Công ty S1 đã thanh toán cho Ngân hàng A1 tổng số tiền nợ gốc là 38.000.000.000đ (Ba mươi tám tỷ đồng) và Ngân hàng đã giải chấp đối với tài sản bảo đảm trên. Do đó, ngày 29/7/2025 Ngân hàng đã có đơn yêu cầu về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản bảo đảm theo

Hợp đồng thế chấp trên (BL 172-173), căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 117, 119, 357, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91; Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP A1 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" với bị đơn - Công ty TNHH MTV S1.

1. Buộc Công ty TNHH MTV S1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A1 tổng số tiền là 26.323.494.812đ (Hai mươi sáu tỷ ba trăm hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm mười hai đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 5.716.920.000đ (Năm tỷ bảy trăm mười sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), số tiền nợ lãi trong hạn là 741.165.427đ (Bảy trăm bốn mươi mốt triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng), số tiền nợ lãi quá hạn là 19.865.409.385đ (Mười chín tỷ tám trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm lẻ chín nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH MTV S1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong

khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty TNHH MTV S1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu xem xét "Hợp đồng thế chấp bất động sản" số 0926/22/TC/SME/008 ngày 10/10/2022 giữa Ngân hàng TMCP A1 - Chi nhánh Đ và ông Dương Anh T1, bà Huỳnh Thị Diễm T2 của nguyên đơn đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 462m^2 thuộc thửa đất số 977, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại phường C, Thành phố T (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 669926 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho ông Dương Anh T1 và bà Huỳnh Thị Diễm T2.

3. *Về án phí*:

- Công ty TNHH MTV S1 phải chịu số tiền 134.323.495đ (Một trăm ba mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 83.561.450đ (Tám mươi ba triệu năm trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0008650 ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đồng Nai).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo*:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV4 - Đồng Nai;
- Phòng THADS KV4 - Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Trang